TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-ST
Ngày: 26/9/2019.
V/v tranh chấp về dân sự
ranh giới QSDĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Thanh;

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Châu Nữ Thu Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/9, 23/9 và 26/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2018/TLST-DS, ngày 03/5/2018 về việc "Tranh chấp về dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2019/QĐST - DS, ngày 7 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2019/QĐST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị B, sinh năm 1934

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Bé: ông Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 11, đường Chi L, tổ 29, khóm Mỹ H, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018).

- Bị đơn: Trần Hữu P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu P là bà Võ Thị N, sinh năm 1957, địa chỉ: khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Thị Thu H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Đông B, xã Hòa A, Tp.C, Đồng Tháp.

2/ Lê Thị H1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Đông B, xã Hòa A, Tp.C, Đồng Tháp.

3/ Trần Hữu V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Đông B, xã Hòa A, Tp.C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Trần Thị Thu H, Lê Thị H1, Trần Hữu V là bà Võ Thị N, sinh năm 1957, địa chỉ: khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Trương L, sinh năm 1968

5/ Trương Tuyết H, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: tổ 01, ấp Đông B, xã Hòa A, Tp.C, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Lộc và chị H1: ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 11, đường Chi L, tổ 29, khóm Mỹ H, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018).

6/ Ủy ban nhân dân thành phố C (vắng có đơn)

Địa chỉ: Số 03 đường 30/4, phường 1, Tp. C, Đồng Tháp.

7/ Trần Thị H2, sinh năm 1948 (vắng).

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Đông Đ, xã Tân Thuận Đ, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8/ Trần Thị P, sinh năm 1950 (vắng).

Địa chỉ: Số 436, ấp Tịnh C, xã Tịnh T, Tp.C, tỉnh Đồng Tháp.

9/ Trần Thị D, sinh năm 1964 (vắng).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Đông B, xã Hòa A, Tp.C, Đồng Tháp.

10/ Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 52 Nguyễn Đình C, tổ 15, khóm 2, phường 2, Tp. C, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Đ: ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 11, đường Chi L, tổ 29, khóm Mỹ H, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thị B sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.141,6m^2, đất tọa lạc tại ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố C (Giấy CNQSDĐ số 00543 QSDĐ/224/QĐ-UB do UBND thành phố C cấp ngày 22/8/2003). Kế bên là thửa đất số 70, 5 và 109 do hộ ông P làm chủ sử dụng.

Vào tháng 11/2013, ông P tiến hành xây dựng nhà. Trong quá trình xây dựng, hộ ông P đã xây lấn qua phần đất của hộ bà Võ Thị B khoảng 12m^2. Bà Bé yêu cầu hộ ông P tạm dừng việc xây dựng và có đơn trình báo sự việc với trưởng ấp Đông B và UBND xã Hòa A.

Ngày 08/11/2013, UBND xã Hòa A đã có văn bản số 810/CV-UBND đề nghị hộ ông P tạm ngưng việc xây dựng để chờ sự giải quyết việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 19/3/2014, UBND xã Hòa A tiến hành hòa giải việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà B và hộ ông P nhưng không thành. Hộ ông P vẫn tiếp tục xây dựng trên phần đất đang tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2014, bà Võ Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết buộc hộ ông P trả lại phần diện tích lấn chiếm khoảng 12m^2 thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, trong phần diện tích 2.141,6m^2, đất tọa lạc tại ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà B ngày 22/8/2003 và yêu cầu di dời tài sản, vật kiến trúc trên phần đất mà hộ ông P đã lấn chiếm.

Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thì phần đất mà hộ ông P lấn chiếm của bà B có diện tích 76,1m^2, nằm trong phạm vi các mốc 24, 25, 26, 35, 33, 34, 36 đến mốc 24 (thể hiện qua bản trích đo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh) chênh lệch so với yêu cầu giải quyết ban đầu là 64,1m^2.

Bà Võ Thị B có đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/9/2014 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết buộc hộ ông Trần Hữu P trả lại cho bà B diện tích 64,1m^2 phần đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, trong phần diện tích 2.141,m^2, đất tọa lạc tại ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố C đã cấp cho hộ bà B ngày 22/8/2003 và di dời tài sản, vật kiến trúc trên phần đất mà hộ ông P đã lấn chiếm.

Ngày 12/12/2016, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hộ ông Trần Hữu P trả phần diện tích đất lấn chiếm có diện tích 211, 2m^2 thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, trong phần diện tích 2.141,6m^2, đất tọa lạc tại ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố C cấp ngày 22/8/2003 và di dời tài sản, vật kiến trúc trên phần đất lấn chiếm.

Bà B xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà B và ông P như sau: Từ mốc 22, MA, MD, MC'đến mốc 23 là đúng theo bản đồ đo đạc ngày 21/4/2015 và bản đồ đo đạc ngày 09/01/2019 bổ sung của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh.

Bà B xác định nền nhà ông P xây dựng lấn qua phần đất của bà B được thể hiện tại các mốc MA, MB, MD, MC đến mốc MA có diện tích là 13,1m^2.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị B chấp nhận giao phần đất 13,1 m^2 cho hộ ông P sử dụng và trả giá trị cho bà B theo giá Hội đồng định giá đã định. Phần diện tích còn lại 198.1 m^2 thì hộ ông P phải trả lại cho bà B. Theo đó ranh giới mà bà B yêu cầu xác định từ các mốc: M22, MA, MC, MD, MC' đến M23

Bà B và ông P không tranh chấp cây trồng trên đất, Tòa án xét xử đất của bên nào thì cây trồng thuộc về bên đó và tại phiên tòa Bà B vẫn giữ nguyên ý kiến.

Bà B không yêu cầu hủy giấy mà rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Trần Hữu P.

Bà B thống nhất giá trị tài sản như định giá ngày 27/10/2014 của Hội đồng định giá.

Theo bị đơn Trần Hữu P trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Trần Văn T có tổng diện tích 2.950m^2, do UBND thị xã C cấp năm 1996. Đến năm 2000 ông T cho lại ông P là con ông T với tổng diện tích 2.950m^2. (Ông Trần Văn T chết ngày 18/7/2014 do bệnh).

Đến năm 2006, ông P đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được cấp 04 thửa: Thửa 70 với diện tích 240m^2, thửa 98 với diện tích 687,8m^2, thửa số 13 với diện tích 1.008,1m^2, thửa 109 với diện tích 725m^2. Ông P cho rằng khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, thì diện tích đất giảm xuống nhưng ông P không đi khiếu nại. Nhưng thực tế phần đất ông đang sử dụng là cất trên nền nhà cũ của ông có từ lâu đời.

Tại phiên tòa ông Trần Hữu P (có bà Võ Thị N là đại diện ủy quyền) thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất từ trụ đá mốc 22 kéo thẳng đến mốc A, mốc C1, đến mốc 23 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2014 và sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 09-01-2019 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (hiện nay là chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp).

Các cây trồng trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/6 và xem xét thẩm định bổ sung ngày 09/01/2019 hộ ông P không tranh chấp và đồng ý khi Tòa án xét xử đất thuộc bên nào thì cây trồng trên đất thuộc về bên đó. Ông P thống nhất giá trị tài sản theo biên bản định giá ngày 27/10/2014 của Hội đồng định giá.

Nay Ông Trần Hữu P (có bà Võ Thị N là đại diện ủy quyền) không đồng ý theo yêu cầu của bà B.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

- Ông Trương L và Trương Tuyết H (có ông Vũ Tuấn A) là đại diện ủy quyền) trình bày: ông L và ông H là con của bà B, ông L và bà H thống nhất lời trình bày của bà B.

- Trần Thị Thu H, bà Lê Thị H và Trần Hữu V ủy quyền bà N trình bày: Ông P và bà H là vợ chồng, chị Thu H và ông V là con của ông P và bà H. Chị H, ông V và bà H thống nhất lời trình bày của ông P.

- Bà Trần Thị H, bà Trần Thị P, bà Trần Thị D trình bày*:* Đây là vụ kiện tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên đương sự bà B và hộ ông P. Ông T đã chết nên hàng thừa kế của ông T là bà H, bà Ph, bà và bà D là con của ông T không có ý kiến đối với phần đất tranh chấp này. Ông T đã cho lại ông Trần Hữu P nên bà H, bà Ph, bà D thống nhất để ông Trần Hữu Ph quyết định, bà H, bà Ph, bà D không có ý kiến gì đối với vụ án và xin không tham gia tất cả các phiên hòa giải và xét xử vụ án. Bà H, bà P, bà D đã sinh sống nơi khác, không có quyền, nghĩa vụ và liên quan đến đất đang tranh chấp, cũng không sống trực tiếp ở trên đất tranh chấp. Bà H, bà P, bà D chấp nhận mọi quyết định của Tòa án, không khiếu nại gì về sau.

- Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh có văn bản xin vắng mặt tại phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án như: thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đầy đủ; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng thời hạn.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

* Quan điểm giải quyết vụ án*:*

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Võ Thị B với ông hộ ông Trần Hữu P xác định từ mốc 22 đến mốc C (gốc nhà ông Trần Hữu P) về mốc 23.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đúng với diện tích theo bản án quyết định và thực hiện các nghĩa vụ về đất đai theo quy định.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 21/4/2015 và sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 09-01-2019).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là "Về việc tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất", đất tranh chấp toạ lạc tại ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố C thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh: Bà Trần Thị H, bà Trần Thị P, bà Trần Thị D là hàng thừa kế của ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt nên

theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh, bà H, bà P, bà D.

[2]. Về nội dung:

Qua xem xét với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa để xác định vị trí ranh giới quyền sử dụng đất và hiện trạng thực tế phần diện tích đất với những chứng cứ hai bên đưa ra Hội đồng xét xử nhận định:

- Về diện tích đất:

+ Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Võ Thị B được cấp tại thửa 69 với diện tích 2.141.6 m^2. Qua đo đạc thực tế theo yêu cầu của bà B thì tổng diện tích là 2.200.6m^2 (kể cả diện tích tranh chấp 211,2m^2), thừa 59m^2;

+ Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Trần Hữu P được cấp tại thửa 70, 109 và 05 với diện tích 1.973.1 m^2. Qua đo đạc thực tế theo yêu cầu của hộ ông P thì tổng diện tích 1.939.9 m^2 (kể cả diện tích tranh chấp 211,2m^2), thiếu 33.2 m^2.

- Về trình tự cấp đất:

+ Tại công văn trả lời số 752/UBND-TN ngày 16/5/2017 xác nhận: diện tích đất đang tranh chấp từ các mốc 22, A, D, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 đến mốc 22, thuộc thửa 69, tờ bản đồ số 13 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2014 và 21/4/2015 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (hiện nay là chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị B vào ngày 22/8/2003.

+ Theo hồ sơ cấp đất cho hộ bà Võ Thị B thì không có chữ ký xác định ranh đất của ông Trần Hữu P.

- Về quá trình sử dụng đất: Cả hai đều thừa nhận có sử dụng một phần diện tích đất để trồng cây và cất nhà.

Từ các căn cứ trên cho thấy: Diện tích đất các bên (không kể phần diện tích tranh chấp) thì cả hai bên đều thiếu; Trình tự cấp đất thiếu chữ ký xác nhận ranh đất là chưa phù hợp; Quá trình sử dụng đất thì cả hai đều sử dụng một phần diện tích đất đang tranh chấp. Do đó, ranh đất giữa hai bên căn cứ vào thực tế các bên đã sử dụng là phù hợp.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét yêu cầu của bà Võ Thị B tại phiên tòa sơ thẩm chấp nhận giao phần đất 13,1 m^2 cho hộ ông P sử dụng và trả giá trị lại cho bà B theo giá Hội đồng định giá đã định, phần diện tích còn lại 198.1 m^2 thì hộ ông P phải trả lại cho bà B; theo đó ranh giới mà bà B yêu cầu xác định từ các mốc: 22, A, C, D, C' đến mốc 23 là chưa phù hợp với nhận định tại phần [2] nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị B.

- Xét trình bày của ông Trần Hữu P tại phiên tòa ông cho rằng ranh đất của ông phải xác định từ mí nền nhà cũ cua ông là từ trụ đá mốc 22 kéo thẳng đến mốc A, mốc C1, đến mốc 23 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2014 và sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 09-01-2019 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhưng ông P cũng không có gì để chứng minh nền nhà cũ của ông P ở là ranh đất nên không chấp nhận mà chỉ chấp nhận theo nhận định tại phần [2].

Theo sơ đồ đo đạc của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 21/4/2015 và sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 09-01-2019 thì ranh đất thực tế các bên đang sử dụng từ mốc 22 đến mốc C về mốc 23. Đây là ranh giới quyền sử dụng đất của hai bên.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên được tính từ không gian mặt đất đến lòng đất.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đúng với diện tích theo bản án quyết định và thực hiện các nghĩa vụ về đất đai theo quy định.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 21/4/2015 và sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 09-01-2019).

[4] Các vấn đề khác:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Trần Thị Thu H (Có bà Lê Thị H đại diện theo ủy quyền), bà Lê Thị H, ông Trần Hữu V đều thống nhất với lời trình bày của ông Trần Hữu P (có ông V đại diện theo ủy quyền), không có ý kiến khác.

- Bà Trần Thị H, bà Trần Thị P, bà Trần Thị D, Trần Văn N, Trần Thị C là hàng thừa kế của ông Trần Văn T (Ông Trần Văn T chết ngày 18/7/2014):

Bà H, bà P, bà D có ý kiến: về phần đất tranh chấp trên ông T đã cho ông P nên bà H, bà P, bà D thống nhất không tham gia hòa giải và xét xử của Tòa án để ông P quyết định, không khiếu nại gì về sau. Tại phiên tòa bà H, bà Phỉ, bà D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với Trần Văn N đã chết cách nay 10 năm và Trần Thị C chết cách nay 30 năm. Hiện nay, ông Trần Hữu P và Ủy ban nhân dân xã Hòa An xác nhận không biết hàng thừa kế của hai người này ở đâu và không cung cấp được địa chỉ của những người này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về phần cây cối trên đất các bên thống nhất ranh đất bên nào thì được sử dụng cây trên đất không yêu cầu Tòa án xem xét nên không giải quyết.

- Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh có văn bản xin vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử của Tòa án và thống nhất thực hiện theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án là phù hợp.

Bà B không yêu cầu Hủy giấy mà rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Trần Hữu P nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị B.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Do mỗi bên sử dụng một phần diện tích tranh chấp nên mỗi bên chịu ½ chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chổ ngày 18/6/2014: 300.000 đồng; Chi phí đo đạc theo hợp đồng số: 73 – HĐĐ ngày 28/8/2014: 7.717.000 đồng, Chi phí định giá ngày 27/10/2014: 300.000 đồng; Chi phí xem xét thẩm định ngày 09-01-2019 là 400.000 đồng; Chi phí định giá ngày 22-02-2019 là 500.000 đồng. Tổng cộng: 9.217.000 đồng, mỗi bên chịu 4.608.500. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi số tiền 8.317.000 đồng nên ông Phong nộp

lại số tiền 3.708.500 đồng để trả lại cho bà B (ông P đã tạm ứng chi xong 900.000 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà Võ Thị B và ông Trần Hữu P thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả tiền tạm ứng án phí đã thu lại cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 100; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị Bé.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Võ Thị B và ông Trần Hữu P được xác định từ mốc 22 đến mốc C về mốc 23. Đây là ranh giới quyền sử dụng đất của hai bên.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên được tính từ không gian mặt đất đến lòng đất.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đúng với diện tích theo bản án quyết định và thực hiện các nghĩa vụ về đất đai theo quy định.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 21/4/2015 và sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 09-01-2019).

- Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị B về việc Hủy một phần giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Trần Hữu P.

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Do mỗi bên sử dụng một phần diện tích tranh chấp nên mỗi bên chịu ½ chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chổ ngày 18/6/2014: 300.000 đồng; Chi phí đo đạc theo hợp đồng số: 73 – HĐĐ ngày 28/8/2014: 7.717.000 đồng, Chi phí định giá ngày 27/10/2014: 300.000 đồng; Chi phí xem xét thẩm định ngày 09-01-2019 là 400.000 đồng; Chi phí định giá ngày 22-02-2019 là 500.000 đồng. Tổng cộng: 9.217.000 đồng, mỗi bên chịu 4.608.500. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi số tiền 8.317.000 đồng nên ông P nộp lại số tiền 3.708.500 đồng để trả lại cho bà B (ông P đã tạm ứng chi xong 900.000 đồng).

3 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị B và ông Trần Hữu P thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.448.500 đồng (Cụ thể 200.000 đồng theo biên lai thu số 021996, ngày 26/4/2014; 961.500

đồng theo biên lai thu số 025719 ngày 04//9/2014 và 287.000 đồng theo biên lai thu số 08326 ngày 20/12/2016 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Phạm Minh Tùng